

KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC XX
PHÒNG NGHIỆP VỤ 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 3 NĂM 2025

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/3/2025

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
KIÊM GIANG								
	TỔNG CỘNG (A+B)	30.237	5.424	17,94%	11.765.317	726.706	6,18%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ	6.390	2.700	42,25%	701.819	127.955	18,23%	
I	Tòa án nhân dân tối cao	-	-	-	7.500	4.180	55,73%	
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				7.500	4.180	55,73%	
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	-	-		19.500	3.500	17,95%	
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				19.500	3.500	17,95%	
III	Bộ Công An	-	-	-	8.000	-	0,00%	
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				5.000	-	0,00%	
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				3.000	-	0,00%	
IV	Bộ Quốc phòng	-	-	-	104.360	22.939	21,98%	
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				24.300	17.437	71,76%	
2	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang				42.725	-	0,00%	
3	700468603 - Đầu tư XDCT khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9 (GĐ3)				37.335	5.501	14,74%	
V	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông				355.240	21.625	6,09%	
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				232.240	6.316	2,72%	
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				83.000	15.291	18,42%	
3	7868632 - Hồ chứa nước ngọt đảo Thổ Châu				40.000	18	0,05%	
VI	Bộ Tư pháp	-	-	-	30.693	1.877	6,12%	
1	7556555 - Cải tạo mở rộng trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc tỉnh Kiên Giang				303	303	99,91%	
2	7558995 - Trụ sở làm việc THADS huyện Giang Thành.				390	378	96,96%	
3	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				30.000	1.196	3,99%	
VII	Bộ Giao thông Vận Tải	6.390	2.700	42,25%	176.526	73.835	41,83%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				98.000	-	0,00%	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				2.500	-	0,00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				12.608	12.608	100,00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				15.000	12.914	86,09%	
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)	6.390	2.700	42,25%				
6	120092032 - Tiểu DA GPMB 1B-DA đường hành lang ven biển phía Nam				20.000	20.000	100,00%	
7	120092033 - Tiểu dự án GPMB 2 Kiên Giang-DA Đường HL ven biển phí Nam				11.003	10.898	99,05%	
8	120092034 - Tiểu dự án GPMB 3 DA Đường hành lang ven biển ĐPVN				17.415	17.415	100,00%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	23.847	2.724	11,42%	11.063.498	598.751	5,41%	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HĐND TỈNH GIAO)	23.847	2.724	11,42%	11.063.498	598.751	5,41%	
I	Dự án tỉnh quản lý	1.106	338	30,56%	6.800.086	411.019	6,04%	
I.1	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	-	-		68.413	-	0,00%	
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông				1.620	-	0,00%	
2	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá				662	-	0,00%	
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy				458	-	0,00%	
4	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)				392	-	0,00%	
5	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				553	-	0,00%	
6	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				11.414	-	0,00%	
7	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu				200	-	0,00%	
8	Dự án đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714), xã Tân Thạnh, huyện An Minh				49.630	-	0,00%	
9	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng.				2.492	-	0,00%	
10	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang				600	-	0,00%	
11	Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ				392	-	0,00%	
I.2	BCH Quân sự tỉnh	-	-		375.129	12.028	3,21%	
1	Ban Chỉ huy Quân sự phường Mỹ Đức; Ban Chỉ huy Quân sự phường Bình San thuộc thành phố Hà Tiên				4.327	-	0,00%	
2	Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Mỹ; Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Khánh Hoà thuộc huyện Giang Thành				4.332	-	0,00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	Ban Chỉ huy Quân sự xã Bàn Thạch; Ban Chỉ huy Quân sự xã Hoà Thuận; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng				5.996	-	0,00%	
4	Ban Chỉ huy Quân sự xã Hưng Yên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Đông Thái thuộc huyện An Biên; Ban Chỉ huy Quân sự xã Thuận Hoà huyện An Minh				5.992	-	0,00%	
5	Dự án xây dựng doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện An Biên				54.482	-	0,00%	
6	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				300.000	12.028	4,01%	
I.3	Công an tỉnh	-	-		93.169	29.149	31,29%	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.				12.630	-	0,00%	
2	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Châu Thành) thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				6.300	1.330	21,10%	
3	Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang.				239	-	0,00%	
4	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn I) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				50.000	12.733	25,47%	
5	Cơ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang (giai đoạn II) - (Đối ứng vốn Bộ công an)				24.000	15.086	62,86%	
I.4	Sở giáo dục và đào tạo	-	-		23.642	163	0,69%	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				3.505	35	0,99%	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng				2.319	-	0,00%	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành				1.418	128	9,02%	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2.075	-	0,00%	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				1.348	-	0,00%	
6	Dự án Cải tạo, sửa chữa ký túc xá sinh viên Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh				12.977	-	0,00%	
I.5	Sở Xây dựng (Lĩnh vực giao thông)	-	-	-	2.995.152	16.210	0,54%	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)				8.305	-	0,00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	- Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				69	-	0,00%	
3	- Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.970 nối dài (từ cầu Tám Ngàn đến đường ven biển Hòn Đất - Kiên Lương)				70	-	0,00%	
4	- Đầu tư xây dựng đường nối cầu Thứ 11 kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				277	-	0,00%	
5	- Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 63 (Thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh cà Mau				94	-	0,00%	
6	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá - Hòn Đất)				47	-	0,00%	
7	- Đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				55	-	0,00%	
8	- Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.965				102	-	0,00%	
9	- Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển kết nối cảng An Thới				148	-	0,00%	
10	- Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.963 nối đến huyện Giang Thành				3.000	-	0,00%	
11	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT.965 (Công Sự) - sông Cái Lớn (U Minh Thượng)				293	-	0,00%	
12	- Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT.965C - kết nối QL63				73	-	0,00%	
13	- Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn nút giao N1 - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				77.930	-	0,00%	
14	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc				39.992	-	0,00%	
15	- Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80 - đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				60	-	0,00%	
16	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị Dương Đông				2.000	-	0,00%	
17	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá đô thị An Thới				2.000	-	0,00%	
18	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1 (đoạn từ Cảng HK Phú Quốc tới TT hội nghị và tới Cảng An Thới)				2.000	-	0,00%	
19	Dự án đầu tư đường bộ ven biển phía Đông đảo Phú Quốc				2.000	-	0,00%	
20	Dự án đường bộ ven biển kết nối cảng An Thới				2.000	-	0,00%	
21	Dự án đầu tư xây dựng đại lộ Đông - Tây đảo Phú Quốc				2.000	-	0,00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
22	Dự án đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ Cửa Lấp - đường Võ Thị Sáu - đường bộ ven biển phía Tây đảo Phú Quốc)				2.000	-	0,00%	
23	Dự án đường trục Dương Đông đi Bắc đảo (ĐT 975B)				2.000	-	0,00%	
24	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cảnh quan sông Dương Đông				2.000	-	0,00%	
25	Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 63 (đoạn từ Minh Lương - Tắc Cậu)				1.392	-	0,00%	
26	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường bộ ven biển từ Kiên Lương đi Hà Tiên				2.000	-	0,00%	
27	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				528.000	16.210	3,07%	
28	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây Đảo Phú Quốc				224.123	-	0,00%	
29	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên				650.000	-	0,00%	
30	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc				1.441.093	-	0,00%	
31	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường Nguyễn Trung Trực (từ cầu Rạch Sỏi đến cầu kênh nhánh)				23	-	0,00%	
32	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Đường 3 tháng 2 (từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Thái Bình)				6	-	0,00%	
I.6	Sở văn hóa thể thao	1.106	338	30,56%	68.852	29.112	42,28%	
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				68.852	29.112	42,28%	
2	8058722 - Tu bổ, tôn tạo chùa Láng Cát. Hạng mục: Tu sửa trụ sở làm việc của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	1.106	338	30,56%				
I.7	Sở Tài chính	-	-	-	23.500	-	0,00%	
1	Trả nợ gốc các khoản vay				13.500	-	0,00%	
2	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh				10.000	-	0,00%	
I.8	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT				1.799.738	200.330	11,13%	
1	Vay thực hiện dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long"				101.500	-	0,00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, huyện Phú Quốc.				92.566	4.196	4,53%	
3	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				291.382	7.112	2,44%	
4	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				69.063	21	0,03%	
5	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu				472.530	143.959	30,47%	
6	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.				28.643	2.195	7,66%	
7	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận.				627.669	38.612	6,15%	
8	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau				109.385	4.235	3,87%	
9	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025				7.000	-	0,00%	
I.9	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn				88.036	3.898	4,43%	
1	Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				2.370	-	0,00%	
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.				9.281	-	0,00%	
3	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				12.991	-	0,00%	
4	Trạm cấp nước xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10.498	1.611	15,35%	
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên.				3.509	1.660	47,30%	
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận				650	-	0,00%	
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Bình Sơn				14.497	628	4,33%	
8	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Hưng, huyện An Minh				34.240	-	0,00%	
I.10	Ban QLDA đầu tư xây dựng - giao thông (Lĩnh vực giao thông)	-	-	-	58.452	-	0,00%	
1	Dự án nâng cấp đường Thứ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.				1.010	-	0,00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
2	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh				400	-	0,00%	
3	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)				600	-	0,00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc				6.568	-	0,00%	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)				700	-	0,00%	
6	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)				809	-	0,00%	
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất				6.700	-	0,00%	
8	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)				34.765	-	0,00%	
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang				6.900	-	0,00%	
I.11	Ban QLDA đầu tư xây dựng - giao thông	-	-		914.476	34.039	3,72%	
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang				6.037	-	0,00%	
2	8009358 - Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang				77.500	-	0,00%	
3	8002318 - Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình tại Trung tâm Phát sóng Hòn Me				10.450	-	0,00%	
4	8057915 - Hội trường và phòng họp trực tuyến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang				19.782	700	3,54%	
5	dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, các hạng mục phụ và mua sắm trang thiết bị trụ sở Thanh tra tỉnh Kiên Giang				5.723	-	0,00%	
6	Dự án cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ Sở Công thương tỉnh Kiên Giang				7.833	-	0,00%	
7	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên				15.217	300	1,97%	
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang				7.653	200	2,61%	
9	Trường Trung học cơ sở Đông Hồ				19.000	2.222	11,69%	
10	Trường Trung học phổ thông Thạnh Đông				9.604	340	3,54%	
11	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				10.366	200	1,93%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
12	Trường Trung học phổ thông Kiên Lương				9.430	3.760	39,87%	
13	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường				585.000	-	0,00%	
14	Nhà thi đấu Đa năng huyện Châu Thành				12.866	-	0,00%	
15	Đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân Khu công nghiệp Thạnh Lộc				1.516	-	0,00%	
16	Dự án đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên trường Đại học Kiên Giang				989	-	0,00%	
17	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				37.540	13.307	35,45%	
18	Đường vào khu di lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận-mộ Chì Sứ)				3.116	-	0,00%	
19	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê-đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Queó)				6.750	-	0,00%	
20	Dự án hệ thống tòa nhà trang âm, thiết bị phim trường có khán giả và hạng mục phụ				18.000	-	0,00%	
21	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm				104	-	0,00%	
22	Dự án Tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				50.000	13.010	26,02%	
I.12	Văn phòng tỉnh ủy				103.106	354	0,34%	
1	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				32.495	-	0,00%	
2	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hoà Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng				9.938	10	0,10%	
3	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước; sửa chữa nhà công vụ Huyện ủy Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng				5.311	-	0,00%	
4	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc; xã Định Hòa; xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				10.131	125	1,24%	
5	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Gò Quao; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				4.696	54	1,14%	
6	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi; xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				4.967	6	0,13%	
7	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy huyện An Minh				7.531	84	1,12%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
8	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường Huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				8.899	-	0,00%	
9	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				7.678	-	0,00%	
10	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Huyện ủy Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				6.877	74	1,08%	
11	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành ủy; sửa chữa nhà công vụ Thành ủy, thành phố Phú Quốc				2.402	-	0,00%	
12	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành				58	-	0,00%	
13	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện Gò Quao				1	-	0,00%	
14	Xây dựng mới kho Lưu trữ huyện An Minh				3	-	0,00%	
15	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải				2.119	-	0,00%	
I.13	Hội nông dân tỉnh				5.000	-	0,0%	
1	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh				5.000	-	0,00%	-
I.14	Trường Cao đẳng nghề	-	-	-	3.400	-	0,00%	
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang				3.400	-	0,00%	
I.15	Ngân hàng Chính sách xã hội	-	-	-	103.000	85.668	83,17%	
1	Cho vay đối với người nghèo các đối tượng chính sách khác				80.000	80.000	100,00%	
2	Cho vay lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài				20.000	4.888	24,44%	
3	Cho vay người chấp hành xong án phạt tù				3.000	780	26,00%	
I.16	Vườn Quốc Gia Phú Quốc				59.203	-	0,00%	
1	Xây dựng tuyến đường vành đai bao quanh vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1				59.203	-	0,00%	
I.17	Dự án chưa phân khai				3.744	-	0,00%	
I.18	Sở Khoa học công nghệ				14.074	67	0,5%	
2	7941404 - Xây dựng công dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang				14.074	67	0,48%	
II	Huyện, thành phố quản lý	22.741	2.386	10,5%	4.263.412	187.732	4,40%	
1	Huyện Vĩnh Thuận				330.972	21.951	6,63%	
2	Huyện Hòn Đất	230	-	0,00%	211.904	7.242	3,42%	
3	Huyện Gò Quao				218.692	23.311	10,66%	
4	Huyện An Minh	5.600	1.961	35,02%	93.250	2.578	2,76%	
5	Huyện Kiên Hải				44.930	11.900	26,49%	
6	Huyện An Biên	298	7	2,28%	291.438	34.474	11,83%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
7	Huyện Châu Thành				93.267	5.535	5,94%	
8	Huyện Kiên Lương				547.917	4.166	0,76%	
9	Huyện Tân Hiệp				160.127	9.197	5,74%	
10	Thành phố Phú Quốc	13.537	-	0,00%	450.671	13.943	3,09%	
11	Huyện Giồng Riềng	1.518	-	0,00%	130.788	4.285	3,28%	
12	Thành phố Hà Tiên				868.364	28.381	3,27%	
13	Huyện U Minh Thượng				101.046	6.563	6,49%	
14	Thành phố Rạch Giá	1.557	418	26,88%	646.811	7.758	1,20%	
15	Huyện Giang Thành				73.236	6.448	8,80%	
BẠC LIÊU								
	TỔNG CỘNG (A+B)	48.970	6.019	12,29%	3.599.935	270.246	7,51%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ				211.645	26.779	12,65%	
I	Bộ Quốc phòng				3.100	2.430	78,38%	
1	Đồn Biên phòng Cái cùng (666)/ BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Bạc Liêu				3.100	2.430	78,38%	
II	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				194.000	24.126	12,44%	
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu				34.000	558	1,64%	
2	DATP 7: "Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng muối Đông Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu", thuộc DA "Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối giai đoạn 2021-2025"				64.000	2.768	4,33%	
3	Dự án thành phần số 3: Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Bạc Liêu thuộc DA CT trữ nước và HT cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				96.000	20.800	21,67%	
III	Bộ Giao thông - Vận tải	-	-	-	14.545	223	1,53%	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhứt - Gò Quao - Vĩnh Thuận				6.165	180	2,91%	
2	Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				8.380	43	0,51%	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	48.970	6.019	12,29%	3.388.290	243.468	7,19%	
I	Dự án tỉnh quản lý	15.064	-	-	2.888.064	105.027	3,64%	
I.1	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3	-	0,00%	14.000	2.248	16,05%	
1	DA khu diễn tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu huấn luyện diễn tập KV phòng thủ tỉnh Bạc Liêu của Bộ CHQS tỉnh				14.000	2.248	16,05%	
2	Đầu tư xây dựng đập đê chống sạt lở bảo vệ Trường bắn và thao trường Bộ CHQS tỉnh Bạc Liêu	3		0,00%				
I.2	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	-	-	-	3.700	-	0,00%	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa nhà ở cán bộ chiến sĩ và hội trường cơ quan BCH Bộ Đội Biên phòng tỉnh				3.700		0,00%	
I.3	Công an tỉnh	-	-	-	10.393	2.327	22,39%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Dự án Xây dựng Hội trường Công An tỉnh Bạc Liêu				10.393	2.327	22,39%	
I.4	Ban QLDA ĐTXD CCT DD và CN tỉnh	82	-	-	282.181	12.780	4,53%	
1	Dự án Xây dựng nâng cấp, mở rộng Nhà Khách số 01 - Hùng Vương				32.150		0,00%	
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng khu điều trị nội trú cho BVĐK tỉnh Bạc Liêu				114.280	4.420	3,87%	
3	Cải tiến và phát triển cơ sở Vật chất trường ĐH Bạc Liêu				24.043	177	0,73%	
4	XD Trường THPT Phan Ngọc Hiền				9.300	915	9,84%	
5	Xây dựng trường THPT Gành Hào				32.653		0,00%	
6	Dự án Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Bạc Liêu - Cơ sở 2 (giai đoạn 2)				9.687	2.015	20,80%	
7	Dự án Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh				2.250	1.378	61,23%	
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc các đơn vị trực thuộc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn				14.409	477	3,31%	
9	Đầu tư cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Bạc Liêu	82		0,00%				
10	Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các Trường Trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo				10.717	901	8,41%	
11	Xây dựng nâng cấp, cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh (giai đoạn 2)				32.692	2.498	7,64%	
I.5	Ban QLDA ĐTXD CCT giao thông tỉnh	-	-	-	1.130.153	12.408	1,10%	
1	Dự án xây dựng tuyến đường từ thị trấn Phước Long, huyện Phước Long đến Ba Đình, huyện Hồng Dân				230.740	7.009	3,04%	
2	Xây dựng cầu Hòa Bình 2+ tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát				65.635	2.091	3,19%	
3	Dự án đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)				657.808	3.308	0,50%	
4	Dự án đường Vành đai trong, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn 1)				1.000		0,00%	
5	Đầu tư tuyến đường liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long tuyến đường ĐT.980. Gành Hào - Giá Rai- Phó Sinh- Cạnh Đèn nối với đường HCM đoạn Phó Sinh Cạnh Đèn				174.970		0,00%	
I.6	Ban QLDA ĐTXD CCT NN và PTNT tỉnh	5.749	-	-	923.967	32.749	3,54%	
1	Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu				3.728		0,00%	
2	Dự án sửa chữa nâng cấp mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp 7km đê cấp bách trên địa bàn thành phố Bạc Liêu				15.000		0,00%	
3	Kè chống ngập dọc tuyến Quốc Lộ 1A qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu				249.857	17.222	6,89%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
4	Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam Quốc lộ 1A, tỉnh Bạc Liêu				45.000	-	0,00%	
5	Dự án đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cống Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu				80.000		0,00%	
6	Xây dựng nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu - đoạn từ kênh Muơng 1 đến kênh Huyện Kê				35.000		0,00%	
7	Kè bờ sông thành phố Bạc Liêu				325.382	15.421	4,74%	
8	Gia cố chống xói lở bờ biển Vĩnh Trạch Đông Nhà Mát TP Bạc Liêu	5.749		0,00%				
9	Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão và bến cá Cái Cù				170.000	105	0,06%	
I.7	UBND thành phố Bạc Liêu	-	-	-	16.670	8.264	49,58%	
1	Dự án Xây dựng Trường Tiểu học Phùng Ngọc Liêm				15.322	6.917	45,14%	
2	Dự án Nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Bạc Liêu				1.348	1.348	99,98%	
I.8	UBND huyện Hòa Bình	-	-	-	11.500	25	0,22%	
1	Xây dựng trường Trung học Cơ sở Xã Vĩnh Mỹ A				11.500	25	0,22%	
I.9	UBND thị xã Giá Rai	-	-	-	134.500	1.013	0,75%	
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng hết hợp kiên cố hóa ô đê bao phục vụ sản xuất nông nghiệp thị xã Giá Rai				54.500	253	0,46%	
2	Đầu tư nâng cấp đường dẫn vào cầu Trần Văn Sớm				25.000	440	1,76%	
3	Kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn thị xã Giá Rai				55.000	320	0,58%	
I.10	UBND huyện Hồng Dân	-	-	-	100.000	1.371	1,37%	
1	Xây dựng tuyến đường từ Trèm Trèm đến Xẻo Quao, thị trấn Ngan Dừa.				100.000	1.371	1,37%	
I.11	UBND huyện Đông Hải	-	-	-	73.500	9.202	12,52%	
1	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu, Huyện Đông Hải				15.500		0,00%	
2	Xây dựng tuyến đường từ cầu Tư Cỏ đến chùa Linh Ứng huyện Đông Hải				58.000	9.202	15,87%	
I.12	UBND huyện Vĩnh Lợi	-	-	-	24.800	11	0,04%	
1	Xây dựng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Minh Nhựt, huyện Vĩnh Lợi				12.800	11	0,09%	
2	XD các ô đê bao ngăn mặn cấp bách kết hợp các công trình GT để bảo vệ và phát triển vùng sx lúa và NTTS huyện Vĩnh Lợi				10.000		0,00%	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1 đến Vĩnh Hưng (ĐT.980B) – Giai đoạn 1				2.000		0,00%	
I.13	Sở Giao thông vận tải	-	-	-	39.100	27	0,07%	
1	Cải tạo, sửa chữa định kỳ các tuyến đường bộ do tỉnh quản lý				39.100	27	0,07%	
I.14	Sở Tài nguyên và Môi trường	-	-	-	14.000	-	0,00%	
1	XD hệ thống hồ sơ địa chính và CSDL quản lý đất đai giai đoạn 2008-2010 và định hướng đến 2015-2018				14.000		0,00%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
I.15	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-	-	-	6.700	2.385	35,59%	
1	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và mua sắm trang thiết bị cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch				3.800		0,00%	
2	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của Đoàn nghệ thuật tổng hợp Khmer và Đoàn cải lương Cao Văn Lầu				2.900	2.385	82,23%	
I.16	Sở Giáo dục và Đào tạo	737	-	-	-	-		
1	Công trình Cải tạo, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Bạc Liêu thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	737	-	0,00%	-	-		
I.17	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh	8.492	-	-	-	-		
1	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	8.492	-	0,00%	-	-		
I.18	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh BL	-	-	-	88.900	8.317	9,36%	
1	Hệ thống cấp nước sạch ấp Đông Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi				11.500	1.021	8,88%	
2	Hệ thống cấp nước sạch ấp Thống Nhất, xã Ninh Thạnh Lợi A, huyện Hồng Dân				11.500	3.357	29,19%	
3	Hệ thống cấp nước sạch ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân				11.500	3.408	29,63%	
4	Dự án TP số 3: Các công trình CNTT NT tỉnh Bạc Liêu (phần đối ứng của tỉnh) thuộc DA công trình trữ nước và HTCN SH tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				54.400	531	0,98%	
I.19	TT dịch vụ đô thị tỉnh	-	-	-	14.000	11.899	84,99%	
1	Chỉnh trang đô thị chào mừng Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025				14.000	11.899	84,99%	
II	Huyện, thành phố quản lý	33.906	6.019	17,8%	500.226	138.441	27,68%	
1	Thành phố Bạc Liêu	29.771	6.019	20,22%	58.226	11.160	19,17%	
2	Huyện Phước Long	20			29.615	7.402	24,99%	
3	Huyện Hòa Bình				47.647	10.138	21,28%	
4	Thị xã Giá Rai				137.247	38.730	28,22%	
5	Huyện Hồng Dân	2.565			43.917	18.660	42,49%	
6	Huyện Đông Hải	1.550			80.772	30.808	38,14%	
7	Huyện Vĩnh Lợi				102.802	21.543	20,96%	
CÀ MAU								
	TỔNG CỘNG (A+B)	81.755	4.422	7,52%	6.397.000	198.674	3,52%	
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ				104.000	26.974	25,94%	
I	Bộ Nông nghiệp và Môi trường				69.000	3.491	5,06%	
1	8036900 - Các công trình cấp nước tập trung nông thôn tỉnh Cà Mau				69.000	3.491	5,06%	
II	Bộ Giao thông - Vận tải				35.000	23.483	67,09%	
1	7054240 - Dự án đường Hành lang ven biển phía Nam trên địa phận Việt Nam				11.000	11.000	100,00%	
2	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025				24.000	12.483	52,01%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	81.755	4.422	5,41%	6.293.000	312.417	4,96%	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HĐND TỈNH GIAO)	81.755	4.422	5,41%	6.293.000	312.417	4,96%	
I	Dự án tỉnh quản lý	47.486	3.573	7,52%	5.472.085	171.704	3,14%	-
I.1	Ban Quản lý các dự án ODA và NGO	14.756	3.568	24,18%	309.775	10.742	3,47%	-
1	Dự án Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau (Dự án thành phần cấp địa phương tại tỉnh Cà Mau)			0,00%	183.209	63	0,03%	
2	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa sông Ông Đốc đến cửa biển Bàu Háp, tỉnh Cà Mau			0,00%	107.900	8.747	8,11%	
3	Dự án Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau	14.172	3.568	25,18%	9.466	-	0,00%	
4	Trường THPT U Minh, huyện U Minh			0,00%	9.200	1.932	21,00%	
5	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 19 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Cà Mau	584	-	0,00%	-	-	0,00%	
I.2	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	-	-	-	2.534.426	20.590	0,81%	-
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh			0,00%	2.229.382	0	0,00%	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Cà Mau			0,00%	172.000	421	0,24%	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Đoàn nghệ thuật Khmer			0,00%	9.044	1.232	13,62%	
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở hành chính huyện Đầm Dơi			0,00%	19.000	0	0,00%	
5	Dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh Cà Mau			0,00%	20.000	6.166	30,83%	
6	Dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo công trình Di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đầm Dơi - Cái Nước - Chà Lả			0,00%	80.000	12.550	15,69%	
7	Dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục cấp thiết của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau và các cơ sở do Đài quản lý			0,00%	5.000	221	4,42%	
I.3	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình	-	-	-	828.657	91.198	11,01%	
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội			0,00%	269.894	15.527	5,75%	
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Phường 4, Phường 9, thành phố Cà Mau			0,00%	18.500	-	0,00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau			0,00%	18.600	-	0,00%	
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Đồng Bắc, thành phố Cà Mau			0,00%	45.263	-	0,00%	
5	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế			0,00%	50.000	10.618	21,24%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
6	Dự án đầu tư xây dựng cụm Tượng đài kỷ niệm chuyển tàu tập kết ra Bắc năm 1954 và hệ thống đường giao thông			0,00%	35.000	7.807	22,31%	
7	Dự án xây dựng tuyến đường từ đường trục chính Đông - Tây đến chợ Chà Là, huyện Đầm Dơi			0,00%	56.400	270	0,48%	
8	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cà Bẹ, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi			0,00%	20.000	894	4,47%	
9	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời			0,00%	41.000	1.041	2,54%	
10	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn			0,00%	25.000	1.390	5,56%	
11	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào			0,00%	100.000	6.264	6,26%	
12	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)			0,00%	37.000	3.922	10,60%	
13	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm			0,00%	2.000	1.308	65,40%	
14	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường Phan Ngọc Hiền			0,00%	110.000	42.157	38,32%	
I.4	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau	-	-	-	5.000	147	2,94%	
1	Dự án đầu tư Hệ thống thiết bị sản xuất, truyền dẫn phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			0,00%	5.000	147	2,94%	
I.5	Công An Tỉnh	-	-	-	13.000	6.632	51,02%	
1	Cơ sở làm việc khối cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau			0,00%	13.000	6.632	51,02%	
I.6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	67.500	-	0,00%	
1	Dự án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025			0,00%	67.500	-	0,00%	
I.7	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	29.218	-	-	35.500	370	1,04%	
1	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi			0,00%	5.000	370	7,40%	
2	Dự án đầu tư xây dựng các cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi			0,00%	30.500	-	0,00%	
3	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đường Đầm Dơi - Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi (đoạn từ cầu Thầy Chương đến cầu Thanh Tùng)	29.218		0,00%	-	-	0,00%	
I.8	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	-	-	-	39.000	4.671	11,98%	
1	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn			0,00%	5.000	1.763	35,26%	
2	Trường THCS Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn			0,00%	4.000	1.582	39,55%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
3	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (Xẻo Lớn, Ông Do, Cái Trắng, Kênh Lò, Chệt Còm, Lương Thực) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn			0,00%	30.000	1.326	4,42%	
I.9	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	2.010	-	-	4.000	1.589	39,73%	
1	Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân			0,00%	4.000	1.589	39,73%	
2	Đầu tư xây dựng các cầu (Cái Bát, kênh Ông Xe) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	2.010		0,00%	-	-	0,00%	
I.10	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	-	-	-	10.000	455	4,55%	
1	Dự án đầu tư xây dựng các cầu (cầu Thây Vinh, cầu Trâu Trắng, cầu C4) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình			0,00%	10.000	455	4,55%	
I.11	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	-	-	-	861.495	25.367	2,94%	
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau			0,00%	861.495	25.367	2,94%	
I.12	Vườn Quốc gia U Minh hạ	-	-	-	24.682	458	1,86%	
1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường giao thông Vườn Quốc gia U Minh hạ			0,00%	24.682	458	1,86%	
I.13	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	645	-	-	-	-	0,00%	
1	Đầu tư xây dựng công trình cầu Khánh Hải trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Hải, Huyện Trần Văn Thời	645		0,00%	-	-	0,00%	
I.14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	504	-	-	-	-	0,00%	
1	Mô hình thí điểm “Phát triển sản phẩm OCOP chế biến từ chuỗi gắn với vùng nguyên liệu hữu cơ tại xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau”	504		0,00%	-	-	0,00%	
I.15	Sở Giáo dục và Đào tạo	295	5	1,69%	-	-	0,00%	
1	Trường Tiểu học A Khánh Bình Tây	154	5	3,25%	-	-	0,00%	
2	Đầu tư xây dựng bếp ăn Trường Tiểu học Võ Trường Toản	141		0,00%	-	-	0,00%	
I.16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	58	-	-	-	-	0,00%	
1	Dự án đầu tư trang bị cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin cho TTĐVL tỉnh Cà Mau thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	58		0,00%	-	-	0,00%	
I.17	Sở Dân tộc và Tôn giáo	-	-	-	3.450	95	2,75%	
1	Xây dựng Bổ sung nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng (Salatel) cho vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau			0,00%	3.450	95	2,75%	
I.18	Ban NN và PTNT tỉnh Cà Mau	-	-	-	13.008	9.390	72,19%	
1	0961.7296707-DA đầu tư xây dựng kệ cấp bách tại Tân Thuận Đầm Dơi			0,00%	13.008	9.390	72,19%	
I.19	Kế hoạch vốn chưa phân khai	-	-	-	722.592	-	0,00%	
1	Kế hoạch vốn chưa phân khai			0,00%	722.592		0,00%	
II	Huyện, thành phố quản lý	34.269	849	2,48%	820.915	140.713	17,14%	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025			Kế hoạch và giải ngân năm 2025			Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	
1	Thành phố Cà Mau	483		0,00%	136.238	39.157	28,74%	
2	Huyện Đầm Dơi	3.528		0,00%	164.578	9.675	5,88%	
2	Thới Bình	7991		0,00%	76.861	9.497	12,36%	
3	Cái Nước	1475	40	2,71%	87.001	12.675	14,57%	
6	Năm Căn	2,5	2,5	100,00%	56.442	23.000	40,75%	
7	Trần Văn Thời	4.709,66		0,00%	99.558	11.486	11,54%	
8	U Minh	2259	64	2,83%	91.579	17.139	18,71%	
9	Phú Tân			0,00%	43.769	7.057	16,12%	
10	Ngọc Hiển	13821	742	5,37%	64.889	11.027	16,99%	

Kiên Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2025

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Văn Đông

